

TỈNH ỦY THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Thái Nguyên, ngày 18 tháng 10 năm 2021

ĐIỂM THU HOẠCH

PHẦN V.3: NGHIỆP VỤ CÔNG TÁC MTTQ VÀ ĐOÀN THỂ NHÂN DÂN Ở CƠ SỞ
LỚP TCLLCT-HC HỆ KHÔNG TẬP TRUNG KHÓA 1, TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC TN

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
1	Nguyễn Thế Anh	1	61	7,5	Bảy rưỡi	
2	Lại Thị Ngọc Anh	2	70	7,5	Bảy rưỡi	
3	Nguyễn Thị Ánh	3	04	8,0	Tám	
4	Ngô Thị Mỹ Bình	4	15	8,0	Tám	
5	Nguyễn Thị Bình	5	56	7,5	Bảy rưỡi	
6	Hoàng Thị Lệ Chi	6	51	7,5	Bảy rưỡi	
7	Vũ Thành Chung	7	43	8,0	Tám	
8	Hoàng Minh Cương	8	59	7,5	Bảy rưỡi	
9	Lương Thị Kiều Diễm	9	20	8,0	Tám	
10	Nguyễn Thị Thanh Dung	10	72	7,0	Bảy	
11	Lý Thị Phương Dung	11	71	7,0	Bảy	
12	Mai Đức Dũng	12	39	7,5	Bảy rưỡi	
13	Nguyễn Tiên Duy	13	33	7,5	Bảy rưỡi	
14	Nguyễn Thị Bạch Dương	14	30	7,5	Bảy rưỡi	
15	Trịnh Quỳnh Giang	15	25	7,5	Bảy rưỡi	
16	Nguyễn Thu Giang	16	36	7,5	Bảy rưỡi	
17	Dương Trung Hà	17	64	7,0	Bảy	
18	Bùi Thị Hà	18	38	8,0	Tám	
19	Bùi Thị Việt Hà	19	60	7,0	Bảy	
20	Nguyễn Thị Thúy Hà	20	03	8,0	Tám	
21	Đỗ Thị Lệ Hằng	21	22	8,0	Tám	
22	Phó Thị Thúy Hằng	22	29	8,0	Tám	



Handwritten signature

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
23	Vũ Thị Thu Hằng	23	23	7,5	Bảy rưỡi	
24	Phạm Thu Hiền	24	14	7,5	Bảy rưỡi	
25	Vũ Thu Hiền	25	48	7,5	Bảy rưỡi	
26	Trần Quang Hiếu	-	-	-	-	Thôi học
27	Lê Thị Hòa	27	11	8,0	Tám	
28	Trần Thế Hoàng	28	85	7,0	Bảy	
29	Bùi Thị Hời	29	81	7,5	Bảy rưỡi	
30	Hoàng Thị Huế	30	80	7,5	Bảy rưỡi	
31	Hoàng Thị Minh Huệ	31	37	8,0	Tám	
32	Phạm Minh Huệ	32	13	7,5	Bảy rưỡi	
33	Đỗ Minh Hương	33	52	8,0	Tám	
34	Mạc Xuân Huy	34	86	7,0	Bảy	
35	Nguyễn Thị Thu Huyền	35	63	7,5	Bảy rưỡi	
36	Nguyễn Văn Kiên	36	79	7,5	Bảy rưỡi	
37	Vũ Ngọc Kiên	37	68	7,5	Bảy rưỡi	
38	Phùng Chí Kiên	-	-	-	-	Thôi học
39	Vì Thị Phương Lan	39	40	8,0	Tám	
40	Nguyễn Thị Tuyết Lan	40	65	7,5	Bảy rưỡi	
41	Đặng Thị Ngọc Lan	41	75	7,0	Bảy	
42	Nông Thị Hồng Lê	42	77	8,0	Tám	
43	Nguyễn Thị Lệ	43	42	8,0	Tám	
44	Dương Danh Liêm	44	69	7,5	Bảy rưỡi	
45	Phạm Kim Liên	45	18	7,5	Bảy rưỡi	
46	Vũ Thị Kim Liên	46	02	7,5	Bảy rưỡi	
47	Đinh Phương Liên	47	16	7,5	Bảy rưỡi	
48	Đông Thị Thùy Linh	48	01	8,0	Tám	
49	Lương Thị Hương Loan	49	09	7,5	Bảy rưỡi	
50	Lưu Thị Thanh Mai	50	08	7,5	Bảy rưỡi	
51	Đặng Đức Minh	51	58	7,5	Bảy rưỡi	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
52	Triệu Thành Nam	52	45	7,5	Bảy rưỡi	
53	Lương Thị Quỳnh Nga	53	32	8,0	Tám	
54	Hoàng Thị Mai Nga	54	31	8,0	Tám	
55	Phạm Thị Nga	55	07	7,5	Bảy rưỡi	
56	Dương Ngọc Ngà	56	35	7,5	Bảy rưỡi	
57	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	57	82	8,0	Tám	
58	Hồ Xuân Nhân	58	84	7,0	Bảy	
59	Nguyễn Thị Hồng Nhung	59	54	8,0	Tám	
60	Nguyễn Thị Phụng	60	53	7,5	Bảy rưỡi	
61	Nguyễn Hữu Quân	61	74	8,0	Tám	
62	Nguyễn Văn Quế	62	67	7,0	Bảy	
63	Phạm Thị Quyên	63	26	8,0	Tám	
64	Nguyễn Thu Quỳnh	64	62	7,5	Bảy rưỡi	
65	Đỗ Thị Phương Quỳnh	65	73	7,0	Bảy	
66	Đỗ Thái Sơn	66	50	7,0	Bảy	
67	Phạm Thị Thanh Tâm	67	44	7,5	Bảy rưỡi	
68	Hoàng Văn Thắng	68	49	8,0	Tám	
69	Nông Phúc Thắng	69	27	8,0	Tám	
70	Trần Thị Thanh Thảo	70	28	7,5	Bảy rưỡi	
71	Nguyễn Thị Phương Thảo	71	57	7,5	Bảy rưỡi	
72	Lý Thị Thoa	72	83	7,5	Bảy rưỡi	
73	Lê Phong Thu	73	19	7,5	Bảy rưỡi	
74	Nguyễn Hoài Thu	74	21	8,0	Tám	
75	Nông Thị Anh Thư	75	12	7,5	Bảy rưỡi	
76	Nguyễn Duy Thư	76	10	7,5	Bảy rưỡi	
77	Lê Thị Bích Thuận	77	55	7,0	Bảy	
78	Trần Xuân Thường	78	34	7,5	Bảy rưỡi	
79	Trương Thị Hồng Thúy	79	05	7,5	Bảy rưỡi	
80	Đào Thị Thủy	80	06	7,5	Bảy rưỡi	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
81	Đỗ Thị Trang	81	24	7,5	Bảy rưỡi	
82	Vũ Thị Như Trang	82	76	7,5	Bảy rưỡi	
83	Lương Hoàng Trường	83	66	7,5	Bảy rưỡi	
84	Mai Anh Tuấn	84	41	7,5	Bảy rưỡi	
85	Hoàng Duy Tường	85	78	7,0	Bảy	
86	Phạm Anh Văn	86	46	7,0	Bảy	
87	Đồng Thị Hoàng Yến	87	17	7,5	Bảy rưỡi	
88	Quản Thị Liên Hương	26	47	8,0	Tám	

**PHÒNG QLĐT&NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Thị Hồng Mây

**KHOA XDĐ
TRƯỞNG KHOA**



Ngô Thị Hồng Nhung

**K/T HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**




Phạm Minh Chuyên